

Số: **2985** /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày **01** tháng **10** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện
Cam kết tự nguyện của Việt Nam “Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và
công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển”
giai đoạn 2025-2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Cam kết tự nguyện của Việt Nam ngày 12 tháng 6 năm 2025 về “Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển” tại Hội nghị Đại dương Liên hiệp quốc lần thứ ba (UNOC-3);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Cam kết tự nguyện của Việt Nam “Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển” tại Hội nghị Đại dương Liên hiệp quốc lần thứ ba (UNOC-3).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Công Thông tin điện tử Bộ KHCN;
- Lưu: VT, XNT.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng



KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

**Cam kết tự nguyện của Việt Nam “Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển”
giai đoạn 2025-2030**

(Kèm theo Quyết định số: **2985** /QĐ-BKHCN ngày **01** /**10**/2025
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Thực hiện Cam kết tự nguyện của Việt Nam “Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển” tại Hội nghị Đại dương Liên hiệp quốc lần thứ ba (UNOC-3) ngày 12/6/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai các nội dung (sau đây gọi là Kế hoạch triển khai):

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa Cam kết tự nguyện của Việt Nam tại Hội nghị UNOC-3 thành các nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ thiết thực, có khả năng đo lường, đồng thời tăng cường chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện, tình hình thực tiễn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch triển khai phải bám sát định hướng, quan điểm của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là Chiến lược quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Các nhiệm vụ được xác định phải có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện bảo đảm tính khả thi và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế trong tổ chức, hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Định kỳ theo dõi, đánh giá và kịp thời điều chỉnh nội dung phù hợp với bối cảnh mới.



II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Phát triển khoa học và công nghệ biển làm nền tảng cho tiếp thu, làm chủ công nghệ tiên tiến

a) Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng về hệ sinh thái biển, sinh học biển, tai biến thiên nhiên (bão, sóng thần, động đất).

b) Ứng dụng công nghệ tiên tiến, đột phá (như AI, dữ liệu lớn, IoT) nhằm hỗ trợ công tác phục hồi, tái tạo, quan trắc và bảo vệ tài nguyên - môi trường biển, đảo, quan trắc và cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu.

c) Nghiên cứu, phát triển công nghệ xanh, năng lượng tái tạo phục vụ kinh tế biển; công nghệ kiểm soát và xử lý ô nhiễm biển (rác thải nhựa, nguồn thải từ đất liền, cảng biển).

d) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ biển theo hướng xanh và bền vững.

1.2. Thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

a) Tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược, lồng ghép mục tiêu nghiên cứu biển vào các cơ chế song phương và đa phương (Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN, UNESCO/IOC, EU...).

b) Thúc đẩy ngoại giao khoa học (science diplomacy), nâng cao vị thế và tiếng nói của Việt Nam trong các sáng kiến toàn cầu về đại dương.

c) Thúc đẩy vai trò của Ủy ban Hải dương học liên Chính phủ Việt Nam (IOC VN) trong việc nâng cao hiểu biết và hợp tác nghiên cứu về đại dương, giảm thiểu rủi ro thiên tai, và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường chuyển đổi số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ biển

a) Phát triển đội ngũ nhà khoa học, nhất là nhà khoa học trẻ thông qua các chương trình tài trợ, hỗ trợ của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia.

b) Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực số cho khoa học biển: tổ chức khóa tập huấn, chuyên sâu về khoa học dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) ứng dụng trong nghiên cứu biển.

c) Hỗ trợ các nhóm nghiên cứu liên ngành về AI và dữ liệu biển, gắn kết giữa viện nghiên cứu và trường đại học.



2. Giải pháp chủ yếu

Tổ chức rà soát, chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai tại các đơn vị, đưa các nội dung thực hiện vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm để chỉ đạo, tổ chức thực hiện, bảo đảm chất lượng và bao quát tất cả các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, trong đó, cần xác định rõ lĩnh vực trọng tâm.

3. Các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch triển khai (*Phụ lục kèm theo*)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ trong Kế hoạch triển khai và phụ lục kèm theo Kế hoạch, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm của đơn vị; chỉ đạo tổ chức, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ những vướng mắc và kiến nghị biện pháp xử lý nhằm bảo đảm triển khai, thực hiện Kế hoạch hiệu quả.

2. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, các đơn vị tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao, gửi Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

3. Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên làm đầu mối giúp Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, rà soát, điều chỉnh việc triển khai thực hiện Kế hoạch./. 

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

Cam kết tự nguyện của Việt Nam “Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển”

giai đoạn 2025-2030

(Kèm theo Quyết định số: **2985** /QĐ-BKHCN ngày **01** /**10**/2025
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Phát triển khoa học và công nghệ biển làm nền tảng cho tiếp thu, làm chủ công nghệ tiên tiến				
1	Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng về hệ sinh thái biển, sinh học biển, tai biến thiên nhiên (bão, sóng thần, động đất).	Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên (Vụ XNT); Vụ Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ (Vụ CN)	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia (Quỹ NAFOSTED)	Các nhiệm vụ nghiên cứu được triển khai và kết quả KH&CN	Thường xuyên
2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, đột phá (như AI, dữ liệu lớn, IoT) nhằm hỗ trợ công tác phục hồi, tái tạo, quan trắc và bảo vệ tài nguyên – môi trường biển, đảo, quan trắc và cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu.	Vụ CN	Quỹ NAFOSTED	Các nhiệm vụ nghiên cứu được triển khai và kết quả KH&CN	Thường xuyên
3	Nghiên cứu, phát triển công nghệ xanh, năng lượng tái tạo phục vụ kinh tế biển; công nghệ kiểm soát và xử lý ô nhiễm biển (rác thải nhựa, nguồn thải từ đất liền, cảng biển).	Vụ CN	Quỹ NAFOSTED	Các nhiệm vụ nghiên cứu được triển khai và kết quả KH&CN	Thường xuyên
4	Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực khai thác, nuôi	Cục Đổi mới sáng tạo	Vụ CN	Số công nghệ mới/giải	Thường xuyên



	trồng thủy sản, dịch vụ biển theo hướng xanh và bền vững.			pháp kỹ thuật được chuyển giao cho doanh nghiệp trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, dịch vụ biển.	
II Thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế					
1	Tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược, lồng ghép mục tiêu nghiên cứu biển vào các cơ chế song phương và đa phương (Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN, UNESCO/IOC, EU...).	Vụ Hợp tác quốc tế (Vụ HTQT)	Vụ XNT, Vụ CN, Quỹ NAFOSTED và các Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Số lượng các buổi làm việc, trao đổi, các chương trình hợp tác được đề xuất, xây dựng.	Thường xuyên
2	Thúc đẩy ngoại giao khoa học (science diplomacy), nâng cao vị thế và tiếng nói của Việt Nam trong các sáng kiến toàn cầu về đại dương.	Vụ HTQT	Vụ XNT, Vụ CN, Quỹ NAFOSTED và các Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ	Số lượng sáng kiến, diễn đàn, hội thảo quốc tế về đại dương mà Việt Nam tham gia, hoặc có đóng góp.	Thường xuyên
3	Thúc đẩy vai trò của Ủy ban Hải dương học liên Chính phủ Việt Nam (IOC-VN) trong việc nâng cao hiểu biết và hợp tác nghiên cứu về đại dương, giảm thiểu rủi ro thiên tai, và ứng phó với biến đổi khí hậu.	Vụ XNT	Vụ HTQT; Vụ CN; Quỹ NAFOSTED	Số lượng các hoạt động hợp tác quốc tế IOC-VN tham gia; các nhiệm vụ KH&CN có vai trò của IOC-VN	Thường xuyên
III Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường chuyển đổi số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ biển					
1	Phát triển đội ngũ nhà khoa học, nhất là nhà khoa học trẻ thông qua các chương trình tài trợ,	Quỹ NAFOSTED	Vụ XNT, Vụ CN	Các nhiệm vụ KH&CN, số lượng tài	Thường xuyên



	hỗ trợ của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia (NAFOSTED).			trợ, hỗ trợ các nhà khoa học và kết quả KH&CN	
2	Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực số cho khoa học biển: tổ chức khóa tập huấn, chuyên sâu về khoa học dữ liệu, công nghệ số và AI ứng dụng trong nghiên cứu biển.	Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ	Vụ CN, Quỹ NAFOSTED	Các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	Thường xuyên
3	Hỗ trợ các nhóm nghiên cứu liên ngành về AI và dữ liệu biển, gắn kết giữa Viện nghiên cứu và trường đại học.	Quỹ NAFOSTED	Vụ CN	Số lượng các nhóm nghiên cứu được hỗ trợ và kết quả KH&CN	Thường xuyên

